

Bản án số: 39/2019/HS-ST.

Ngày: 10/4/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Hải;

2. Ông Nguyễn Quang Khải.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đình Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB tham gia phiên toà: Ông Hứa Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31 /2019/TLHS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vàng Thị D; tên gọi khác: Vàng Thị D1; sinh năm: 1970 tại Điện Biên; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản NE, xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vàng Chứ X, sinh năm 1944 và bà: Sùng Thị S (đã chết); có chồng là: Thào A D, (đã chết) và 07 con, lớn sinh năm 1996; con nhỏ sinh 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính lần nào; ngày 23/01/2019 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. " có mặt".

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lò Văn S - chức vụ: Chủ tịch UBND xã ML, huyện ĐB.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn dân sự: Ông Lò Văn Tr - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên có mặt (có mặt).

Người Bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quang Khai - Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

Người có nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng: Ông Lò Văn Ch; (có mặt).

Nơi công tác: Hạt Kiểm Lâm huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người có nghĩa vụ liên quan: Thào A M, sinh năm 1996;

Trú tại: Bản NE, xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Thào A S, sinh năm 1990;

Trú tại: Bản NE, xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian đầu tháng 02 năm 2018, Vàng Thị D một mình mang theo 01 con dao găm và 01 cưa máy xách tay, đi vào khu vực rừng thuộc khoảnh 21, tiểu khu 817B, khe suối Huổi Cáu thuộc bản NE, xã ML, huyện ĐB để phát rừng mục đích lấy đất làm nương trồng lúa. Trong 04 ngày bị cáo đã chặt, phá gần xong còn khoảng 04 đến 05 cây gỗ có đường kính từ 10cm đến 12cm thì cưa máy hỏng. Bị cáo để cưa máy lại và về nhà nói với con trai là Thào A M lên sửa cưa máy giúp. Sau khi sửa cưa máy xong Mênh đã cưa thử 02 cây rồi giao cưa máy cho bị cáo rồi đi về nhà, bị cáo dùng cưa máy cưa hết những cây còn lại và đi về. Diện tích rừng Vàng Thị D chặt phá để làm nương là: 6.200m², được các cơ quan chức năng xác định là rừng sản xuất, trạng thái IIa, thuộc tiểu khu 817 khoảnh 21 ở khe suối Huổi Cáu, thuộc bản NE, xã ML, huyện ĐB (theo Quyết định số 76 ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt báo cáo kết quả rà soát, quy hoạch lại ba loại rừng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2006 - 2020. Diện tích rừng do Vàng Thị D chặt phá chưa được giao theo kế hoạch 388/KH- UBND, chưa giao đất, giao rừng cho các hộ dân nên không có bản đồ theo Kế hoạch số 388/KH-UBND ngày 20/02/2013 của UBND tỉnh Điện Biên). Diện tích đất rừng này do Ủy ban nhân dân xã ML, huyện ĐB đang quản lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số : 31/KL-ĐG ngày 16/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐB đã kết luận:

1. Khối lượng gỗ tròn các loại gỗ, thuộc nhóm V đến nhóm VIII: Khối lượng 18,213m³, số lượng 32,674m³, giá trị 65.348.000đ.
2. Củi tận thu 13.962m³; giá trị 1.390.000đ
3. Cây gỗ có đường kính gốc trên 8 cm là 186 cây; giá trị 7.626.000đ.

Tổng giá trị 74.364.000đ (Bảy mươi tư triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Vàng Thị D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản Cáo trạng số: 32/CT-VKSĐB ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB truy tố Vàng Thị D về tội: “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS; Điều 65/ BLHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm là vật chứng của vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền là: 74.364.000đ (Bảy mươi tư triệu ba trăm sáu mươi tư nghìn đồng). Bị cáo đã bồi thường 30 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp số tiền 44.364.000 đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo về tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai. Bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả đã bồi thường cho Nhà nước số tiền 30.000.000đ nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65/BLHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP áp dụng hình phạt tù, nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo thuộc diện hộ nghèo đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo;

Bị cáo hoàn toàn nhất trí bản luận cứ bào chữa của Người bào chữa không có ý kiến bổ sung vào bản luận cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự trình bày: Vàng Thị D chặt phá 6.200 m² rừng sản xuất; sau khi bị phát hiện bị cáo đã chủ động chấp hành yêu cầu của UBND không đốt rừng làm nương để nguyên hiện trạng diện tích rừng đã chặt phá cho cây mọc tái sinh vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Với khoản tiền phải bồi thường 30.000.000đ yêu cầu Tòa án xem xét giảm phần nào khoản tiền phải bồi thường cho bị cáo.

Trong phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ĐB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng huyện ĐB, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội.

Trong khoảng thời gian đầu tháng 02 năm 2018, bị cáo đã dùng dao quắm và cưa máy chặt phá 6.200 m² rừng sản xuất, trạng thái IIa, thuộc tiểu khu 817 khoảnh 21 ở khe suối Huổi Cáu, thuộc bản NE, xã ML, huyện ĐB.

Gây thiệt hại 74.364.000đ; phù hợp với Biên bản đo đếm diện tích, tính toán trữ lượng rừng bị thiệt hại; Kết luận định giá cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phá rừng của bị cáo đã bị các cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm và ra quyết định đình chỉ việc chặt phá rừng. Với hành vi và diện tích rừng bị phá như đã nêu ở trên thì bị cáo Vàng Thị D đã phạm vào tội "**Hủy hoại rừng**" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243/BLHS. Cáo trạng truy tố bị cáo Vàng Thị D về tội "**Hủy hoại rừng**" theo điểm b khoản 1 Điều 243/BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án xét xử đối với bị cáo.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thì hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Bảo vệ rừng là trách nhiệm của toàn dân, các cấp, các ngành; bảo vệ chặt chẽ đối với rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ và rừng sản xuất. Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo gây thiệt hại nghiêm trọng cho môi trường sinh thái; làm gia tăng các biến đổi khí hậu do tác hại của việc hủy hoại rừng gây ra. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, là dân tộc thiểu số sống vùng cao trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế và là lao động chính trong gia đình. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị

cáo tự nguyện bồi thường thường số tiền 30.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người Bào chữa cho bị cáo và đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

HĐXX thấy rằng bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51/BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì HĐXX xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã thực sự biết ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính của gia đình. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội và tạo điều kiện cho bị cáo làm lại cuộc đời, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát giáo dục cũng đủ để bị cáo trở thành người tốt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243/BLHS, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ. HĐXX xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo nên chấp nhận ý kiến của Người bào chữa và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước nên phải bồi thường toàn bộ thiệt hại. Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 30.000.000đ và đã được HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền gây thiệt hại là $74.364.000đ - 30.000.000đ = 44.364.000đ$.

Đối với thiệt hại về môi trường sinh thái, Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở xác định được, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các cây gỗ bị chặt hạ đang mục ải nên không thu giữ, mà giữ nguyên hiện trạng để tự phân hủy thành phân bón tự nhiên là phù hợp.

[7]. Đối với UBND xã ML và kiểm lâm viên Lò Văn Ch đã lơ lửng, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác bảo vệ rừng trên địa bàn quản lý.

[8]. Về xử lý vật chứng: 01 con dao quắm là vật dụng bị cáo dùng để chặt, phá rừng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[9]. Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51/BLHS; khoản 1, 2, 5 Điều 65/BLHS; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự;

1. Tuyên bố:

Bị cáo Vàng Thị D (Vàng Thị D1) phạm tội “*Hủy hoại rừng*”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vàng Thị D 20 (hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 40 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/4/2019). Giao bị cáo cho UBND xã ML, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Vàng Thị D phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 74.364.000đ (Bảy mươi tư triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo biên lai số 07565 ngày 30/01/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện ĐB với số tiền là 30.000.000đ. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 44.364.000đ. (Bốn mươi tư triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

4. Về vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS và điểm c khoản 2 Điều 106/BLTTHS;

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm chuôi dao làm bằng gỗ dài 79,5cm, phần thép dao dài 40,5cm, phần cán gỗ dài 39 cm, phần rộng nhất của lưỡi dao thép là 5,5cm, đường kính to nhất phần chuôi gỗ là 4 cm.

(Vật chứng của vụ án đã được cơ quan Điều tra Công an huyện ĐB, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/02/2019).

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND h. ĐB; VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan Điều tra + Nhà TG,G h. ĐB;
- Bộ phậnHSNV Công an huyện ĐB;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB +THA H.Sự;
- Chi cục THADS h. ĐB;
- Bị cáo; Người bào chữa; Nguyên đơn DS;
- UBND xã ML, H. ĐB.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương